

Số:2655/BC-CĐN

An Giang, ngày 05 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí Quý IV và năm 2023

Thực hiện về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí năm 2023 của Trường Cao đẳng nghề An Giang. Trong 06 tháng đầu năm 2023, Trường Cao đẳng nghề An Giang đã thực hiện được những việc như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN; công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN.

Đảng ủy và Ban Giám hiệu Trường Cao đẳng nghề An Giang đã lãnh đạo, chỉ đạo các phòng, khoa thực hiện nghiêm túc Luật phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí bằng nhiều hình thức như lồng ghép vào các buổi họp giao ban hàng tháng, sinh hoạt chi bộ định kỳ; đồng thời rà soát, sửa đổi và ban hành các quy định mới nhằm hạn chế tối đa các hiện tượng tiêu cực, lãng phí có thể xảy ra.

Trong năm 2023, Trường Cao đẳng nghề An Giang tiến hành kiểm kê tài sản từ ngày 01/01/2023 và thực hiện các quy trình tiến hành thanh lý tài sản theo quy định của pháp luật. Thực hiện việc mua sắm thiết bị, công cụ, dụng cụ, vật tư theo quy trình đã được duyệt, thực hiện công khai trên website của Trường tại địa chỉ <http://agvc.edu.vn>

Ban hành các văn bản liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng như sau:

- Kế hoạch số 139/KH-CĐN ngày 01/02/2023 về việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023 trong trường Cao đẳng nghề An Giang.

- Kế hoạch số 378/KH-CĐN ngày 07/3/2023 về việc thực hiện kiểm tra công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023 trong Trường Cao đẳng nghề An Giang.

- Báo cáo số 18/BC-CDDN ngày 04/01/2023 về việc thực hiện công tác PCTN tháng 01/2023.

- Báo cáo số 379/BC-CĐN ngày 07/03/2023 về việc báo cáo phục vụ xây dựng báo cáo định kỳ của Ban Cán sự Đảng.

- Báo cáo số 380/BC-CDDN ngày 07/3/2023 về việc thực hiện công tác PCTN quý I năm 2023.

- Báo cáo số 579/BC-CĐN ngày 29/3/2023 về việc thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW về việc thực hiện tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện việc kê khai và kiểm soát tài sản thu nhập.

- Báo cáo số 629/BC-CĐN ngày 05/4/2023 về việc thực hiện công tác PCTN tháng 4/2023.

- Báo cáo số 630/BC-CĐN ngày 05/4/2023 về việc đánh giá Công tác PCTN năm 2023 theo Bộ Chỉ số PACA của Thanh tra chính phủ.

- Báo cáo số 1305/BC-CĐN thực hiện công tác PCTN tháng 7/2023.

- Báo cáo số 1517/BC-CĐN thực hiện công tác PCTN tháng 8/2023.

- Báo cáo số 1741/BC-CĐN ngày 05/9/2023 về việc cung cấp số liệu cho thanh tra năm 2024.

- Báo cáo số 2265/BC-CĐN ngày 25/10/2023 về việc xung đột lợi ích năm 2023.

- Báo cáo số 2379/BC-CĐN ngày 07/11/2023 về việc thực hiện số 530/KH-CĐN ngày 07/11/2023 của Trường.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.

- Trường Cao đẳng nghề An Giang nghiêm túc thực hiện nguyên tắc, nội dung và hình thức công khai. Tổ chức công khai minh bạch các hoạt động bộ máy nhà nước như: Công khai tại các cuộc họp, hội nghị, công khai bằng hình thức niêm yết tại công sở, công khai bằng cung cấp thông tin... Trong đó, tập trung vào lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực như: đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, vốn của dự án, các tổ chức phi chính phủ, tuyển dụng đào tạo và bố trí cán bộ....

Thực hiện nghiêm túc các quy định trong công tác xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản công, đảm bảo công khai, minh bạch, dưới sự giám sát của Ban Thanh tra Nhân dân và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Trong công tác xây dựng văn bản: Trường luôn rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy định, các văn bản hướng dẫn và kịp thời thông tin đến các cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Việc cán bộ, giáo viên, nhân viên nộp lại quà tặng: Trong thời gian qua Trường chưa phát hiện cá nhân vi phạm quy chế tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng.

Công tác kiểm quỹ: Ban kiểm quỹ thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra quỹ tiền mặt của Trường vào cuối mỗi tháng để phòng ngừa và ngăn chặn việc thất thoát tiền quỹ.

Việc chi trả lương cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: Trường thực hiện việc chi trả qua tài khoản đối với tất cả các khoản chi từ ngân sách nhà nước. Trong 03 tháng đầu năm Trường đã thực hiện việc chi trả lương, tiền thưởng tết kịp thời qua tài khoản cho tất cả giáo viên nhân viên toàn Trường.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng.

Trong năm 2023, Trường Cao đẳng nghề An Giang chưa nhận đơn thư có nội dung khiếu nại, tố cáo.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Đánh giá tình hình tham nhũng.

Trường Cao đẳng nghề An Giang đã thực hiện tích cực các biện pháp về phòng, chống tham nhũng. Nên thời gian qua không có vụ việc tham nhũng xảy ra trong Trường. Tuy vậy cũng giúp các cá nhân và tập thể tự chỉnh đốn công tác quản lý và nâng cao ý thức về phòng, chống tham nhũng.

2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng.

Hoạt động phòng, chống tham nhũng của Trường được duy trì thường xuyên và hiện nay đã đi vào nề nếp; công tác phòng, chống tham nhũng ngày càng được tăng cường.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ QUÝ I NĂM 2024.

Trong năm 2024, Trường Cao đẳng nghề An Giang tiếp tục thực hiện theo kế hoạch phòng, chống tham nhũng của trường.

- Tuyên truyền về phòng, chống tham nhũng, gắn với tiếp tục triển khai việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” chuyên đề 2024 trong cán bộ, đảng viên, giáo viên và học sinh, sinh viên.

- Thực hiện báo cáo về công tác kê khai công khai bản kê khai tài sản theo quy định.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, tự kiểm tra nhằm phát hiện và xử lý nghiêm mọi biểu hiện, hành vi tham nhũng; thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy vai trò làm chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong mọi hoạt động của Nhà trường./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh An Giang;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Lưu: VT, TCHC.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Hùng Cường

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Số liệu tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 01/12/2023)

| MS | NỘI DUNG | ĐV TÍNH | SỐ LIỆU |
|----|--|------------|---------|
| | CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT | | |
| 1 | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các căn bản hướng dẫn thi hành luật PCTN | văn bản | 2 |
| 2 | Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành | văn bản | |
| | TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN | | |
| 3 | Số lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN | lượt người | |
| 4 | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức | lớp | 1 |
| 5 | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản | tài liệu | |
| | THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG | | |
| | <i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i> | | |
| 6 | Số đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch | Đơn vị | |
| 7 | Số đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động | Đơn vị | |
| | Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn | | |
| 8 | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới | văn bản | |
| 9 | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp | văn bản | 1 |
| 10 | Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | cuộc | |
| 11 | Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý | vụ | |
| 12 | Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | người | |
| 13 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật | người | |
| 14 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự | người | |

| | | | |
|----|---|------------------|------|
| 15 | Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền) | đồng | |
| 16 | Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường | đồng | |
| 17 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị | người | |
| 18 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền) | đồng | |
| | <i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i> | | |
| 19 | Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức | đơn vị | |
| 20 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý | người | |
| 21 | Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | người | 1 |
| | <i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i> | | |
| 22 | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập | người | |
| 23 | Số người bị kết luận kê khai không trung thực | người | |
| | <i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i> | | |
| 24 | Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | người | |
| 25 | Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | người | |
| 26 | Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng | người | |
| | <i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i> | | |
| 27 | Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính | 12 Đơn vị | |
| 28 | Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc | 100% | 100% |
| | PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG | | |
| | <i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i> | | |
| 29 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ | vụ | |
| 30 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ | người | |
| | <i>Qua hoạt động thanh tra</i> | | |
| 31 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra | vụ | |
| 32 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra | người | |
| | <i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i> | | |
| 33 | Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức | đơn | |
| 34 | Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết | đơn | |

| | | | |
|----|--|----------------|--|
| 35 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | vụ | |
| 36 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | người | |
| | <i>Qua điều tra tội phạm</i> | | |
| 37 | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố | vụ | |
| 38 | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố | người | |
| | XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG | | |
| 39 | Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i>) | vụ | |
| 40 | Số đối tượng bị kết án tham nhũng (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i>) | người | |
| 41 | Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng; | người | |
| 42 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng; | người | |
| 43 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng; | người | |
| 44 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng. | người | |
| 45 | Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính | vụ | |
| 46 | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng | người | |
| 47 | Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | vụ | |
| 48 | Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | người | |
| | <i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i> | | |
| 49 | Bằng tiền | đồng | |
| 50 | Đất đai | m ² | |
| | <i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i> | | |
| 51 | Bằng tiền | đồng | |
| 52 | Đất đai | m ² | |
| | <i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i> | | |
| 53 | Bằng tiền | đồng | |
| 54 | Đất đai | m ² | |
| | <i>Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i> | | |
| 55 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù | người | |
| 56 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen thưởng trong | người | |

| | | | |
|--|--|--|--|
| | đó | | |
| | + Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ | | |
| | + Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương | | |
| | + Tặng Giấy khen | | |